

Số: 1569/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho  
Bệnh viện đa khoa tỉnh trong thời gian chờ kết quả đấu thầu  
thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2020-2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế và Thông tư số 01/2020/TT-BYT ngày 16 tháng 01 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2018/TT-BYT;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2020-2021;*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 263/TTr-SYT ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Công văn số 2274/SYT-NVYD ngày 15 tháng 10 năm 2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho Bệnh viện đa khoa tỉnh trong thời gian chờ kết quả đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2020-2021, với nội dung như sau:

1. Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho Bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông.

3. Giá gói thầu: 859.722.000 đồng (Tám trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn).

4. Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp y tế được giao năm 2020 và Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán chi khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế năm 2020, nguồn thu sự nghiệp y tế, nguồn Chương trình mục tiêu y tế - dân số năm 2020 và các nguồn thu hợp pháp khác.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu (rút gọn).

6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

7. Hợp đồng được ký kết: Đơn vị sử dụng ký Hợp đồng mua bán theo quy định hiện hành.

8. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2020.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng được ký kết.

10. Địa điểm cung ứng: Trực tiếp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh.

11. Nội dung cụ thể của gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu cung cấp thuốc cho Bệnh viện đa khoa tỉnh trong thời gian chờ kết quả đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2020-2021 (Quyết định số 663/QĐ-SYT ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế).

- Danh mục và giá từng sản phẩm: 01 danh mục, 23 sản phẩm (có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Sở Y tế chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, hình thức lựa chọn nhà thầu, đơn giá, số lượng, chất lượng, thành phần của từng sản phẩm do đơn vị trình phê duyệt tại Tờ trình số 263/TTr-SYT ngày



16 tháng 10 năm 2020, Công văn số 2274/SYT-NVYD ngày 28 tháng 9 năm 2020; bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Thông tư số 15/2019/TT-BYT và các văn bản có liên quan theo quy định hiện hành.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức giám sát, kiểm soát đơn giá, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX.

3

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Tôn Thị Ngọc Hạnh**



Phụ lục

DANH MỤC THUỐC ĐIỀU TRỊ CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH  
TRONG THỜI GIAN CHỜ KẾT QUẢ ĐẦU THẦU TẬP TRUNG

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Số đăng ký/ Giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá có VAT	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	Metformin Denk 500	Metformin	500mg	VN-6640-08, gia hạn 23/08/2020	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Viên	580	30.000	17.400.000
2	Waisan	Eperison	50mg	VD-28243-17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	294	30.000	8.820.000
3	Misoprostol Stada 200 mcg	Misoprostol	200mcg	VD-13626-10	Công ty TNHH LD Stellapharm (Tên cũ: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam)	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	Viên	4000	300	1.200.000
4	Cinnarizin	Cinnarizin	25 mg	VD-31734-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 04 vỉ x 50 viên nén	Viên	49	30.000	1.470.000
5	4.2% w/v Sodium Bicarbonate	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4,2%	VN-18586-15	B.Braun Melsungen AG Germany	Chai thủy tinh 250ml	Chai	94400	60	5.664.000
6	BFS-Neostigmine 0.25	Neostigmin bromid 0,25mg/1ml	0.25mg	VD-24008-15	CTCP DP CPC1 Hà Nội Việt Nam	Hộp 20 ống x 1ml	Ống	5460	200	1.092.000
7	Moxieye	Moxifloxacin	10mg/2ml	VD-22001-14	Cty CP DP CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Lọ 2ml	Lọ	23000	1.000	23.000.000
8	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0.009	VD-32723-19	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam Việt Nam	Chai 100ml	Chai	8400	20.000	168.000.000



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Số đăng ký/ Giấy phép nhập khẩu	Cỡ sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá có VAT	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
9	Theresol	Natri clorid+kali clorid+ natri citrat + glucose khan	0,7g + 0,3g + 0,58g +4g; 5,63g	VD-20942-14 (có CV duy trì hiệu lực giấy ĐKLLH)	Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa - Việt Nam Việt Nam	Hộp 20 gói, thuốc bột pha hỗn dịch, uống	Gói	1650	3.000	4.950.000
10	Daflavon	Diosmin Hesperidin	450mg 50mg	VD-28292-17	Pymepharco Việt Nam	H/4 vi/15 viên nén bao phim	Viên	840	9.000	7.560.000
11	Pyzacar 50 mg	Losartan	50mg	VD-26431-17	Công ty CP Pymepharco Việt Nam	H/2 vi/15 viên nén bao phim	Viên	980	30.000	29.400.000
12	Kidmin	Acid amin*	7.2%, 200ml	VD-28287-17	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Dung dịch tiêm pha truyền tĩnh mạch, Chai 200ml	Chai	115000	300	34.500.000
13	Stadovas 5 Tab	Amlodipin	5mg	VD-30106-18	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	480	40.000	19.200.000
14	Azopt Drop 1% 5ml	Brinzolamid	1% 5ml	VN-21090-18	Alcon Research, ltrd- USA	Hộp 1 lọ nhỏ mắt	Lọ	116700	100	11.670.000
15	Vancomycin 500mg H/10	Vancomycin	500mg	VD-31300-18	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Hộp 10 lọ bột đông khô pha tiêm	Lọ	19908	2.000	39.816.000
16	Isiflura	Isofluran	250ml	VN-18670-15	Piramal Critical Care, Inc - USA	Hộp 1 chai 250ml; Thuốc mê đường hô hấp	Chai	530000	10	5.300.000
17	Sunpranza	Esomeprazol	40mg	VN-18096-14, kèm CV số 11432/QLD-ĐK về việc đổi tên từ Sompraz IV sang Sunpranza	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Hộp 1 lọ	Lọ	44800	1.000	44.800.000



4

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Số đăng ký/ Giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá có VAT	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
18	Varogel	Magnesium hydroxide + Nhôm hydroxide + Simethicol	800,4mg + 611,74mg +80mg, gói hỗn dịch 10g	VD-18848-13	Công ty TNHH DP Shimpoong Daewoo - Việt Nam	Gói	Gói	3150	15.000	47.250.000
19	Nanokine 4000 IU	Erythropoietin	4000 IU/1ml	QLSP-919-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Na No Gen - Việt Nam	Lọ	Lọ	278000	800	222.400.000
20	FENILHAM 50mcg/ml 2ml	Fentanyl	0,1mg/2ml	VN-17888-14 (gia hạn: 1971/QLĐDK ngày VN-17888-14)	HameIn GmbHĐức	Hộp 10 ống x2ml Ống	Ống	11800	600	7.080.000
21	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid 0,9g/100ml	0,9% 500ml	VD-21954-14 kèm CV số 14017/QLĐ-ĐK ngày 23/7/2018 và CV số 9799/QLĐ-ĐK ngày 20/6/2019	Công ty Cổ phần Presentius Kabi Việt Nam	Chai nhựa 500ml	Chai	9.030	10.000	90.300.000
22	Heparin- Belmed	Heparin (natri)	25000 UI/5ml	VN-18524-14	Belmedpreparaty RUE		Lọ	72000	900	64.800.000
23	Piracetam	Piracetam 800	800mg	VD-18538-13; CV duy trì hiệu lực SDK đến ngày 18/3/2021	Công ty TNHH LD Stellapharm - Chi nhánh 1 Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Viên	1350	3.000	4.050.000
<b>Tổng cộng: 23 khoản</b>										<b>859.722.000</b>

(Tám trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn)

